

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-12-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Liên Minh-Bà Ngô Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Minh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa Ông Vũ Xuân Đại- chức vụ Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 12 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 495/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 17/11/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chu Ngọc D, sinh năm 2001

Nơi thường trú: tổ X, phường Q, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn: Anh Lý Xuân Tr, sinh năm 1991

Nơi thường trú: xóm A, xã L, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 28/9/2022 và đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn chị Chu Ngọc D trình bày:

Chị và anh Lý Xuân Tr được tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên vào tháng 07 năm 2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do từ giữa tháng 10 năm 2020 chị có về nhà bố mẹ để ở phường Q, thành phố Thái Nguyên để sinh con, khi con cứng cáp thì chị bắt đầu đi làm tuy nhiên do chị làm việc ở Vimart, địa chỉ 386, đường Ga, phường Q, thành phố Thái Nguyên nên đi từ nhà mẹ đẻ đến chỗ làm gần hơn nhà chồng, hơn nữa công việc thường làm ca tối đi làm về muộn do đó đi lại khó khăn chị đã ở lại nhà bố mẹ đẻ không về chồng. Anh Tr có đề nghị chị về nhà ở và đi làm nhưng do chị thấy

điều kiện khó khăn không về thì Anh Tr tỏ thái độ khinh miệt và xem thường công việc của chị dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm. Vợ chồng cũng đã nhiều lần nói chuyện nhưng chỉ được một thời gian ngắn Anh Tr lại có thái độ như cũ, không chia sẻ với chị về điều kiện đi lại, con nhỏ và công việc, thậm chí trong quá trình Tòa án giải quyết Anh Tr cũng không có quan điểm hòa giải để vợ chồng đoàn tụ mà chỉ đòi được nuôi con, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc sống chung không hòa hợp, không hạnh phúc, không thể tiếp tục quan hệ vợ chồng được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Tr.

Về con chung: Giữa chị và Anh Tr có 01 con chung là Lý Bảo M, sinh ngày 23/10/2020, từ khi sinh con cho đến nay cháu M ở với chị tại gia đình bố mẹ đẻ ở phường Q, chị xác định có công việc ổn định với mức lương từ 6-9 triệu/tháng nên đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu Anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung

Về công nợ chung: Chị D xác định vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Lý Xuân Tr thống nhất về thời gian kết hôn, chung sống như chị D trình bày, về nguyên nhân mâu thuẫn anh xác định sau khi kết hôn khoảng 03 tháng thì bố mẹ chị D đến nhà anh xin phép đón chị D về để chăm sóc chờ ngày sinh, gia đình anh cũng đồng ý, tuy nhiên từ khi về nhà mẹ đẻ chị D rất ít khi về nhà anh mặc dù anh cũng đã nhiều lần sang đón vợ con về nhưng chị D cũng chỉ về một hai ngày rồi lại đi, anh cũng đã khuyên chị D nhiều lần nhưng không có kết quả, đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị D làm đơn xin ly hôn anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Lý Bảo M, sinh ngày 23/10/2020 đang ở với chị D, khi ly hôn anh đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con, về công việc anh có mở xưởng cơ khí với thu nhập từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng hơn nữa làm việc tại nhà nên có đầy đủ thời gian, điều kiện để chăm sóc con chung hơn chị D.

Về tài sản chung công nợ chung anh cũng nhất trí trình bày của chị D, vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung.

Tại phiên tòa chị D, anh Tr giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình hòa giải cả chị D và Anh Tr đều xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về con chung cả chị D và Anh Tr đều đề nghị được nuôi con, chị D không yêu cầu Anh Tr cấp dưỡng nuôi con, Anh Tr xác định không nhất trí để chị D nuôi con, anh có đủ điều kiện để nuôi con đảm bảo và tốt hơn chị D, trong trường hợp chị D nuôi con anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến: về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 28, Điều 143, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQQH ngày 30/12/2016. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét theo giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Ngọc D. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Chu Ngọc D ly hôn với Anh Lý Xuân Tr; Về con chung: Giao cháu Lý Bảo M cho chị Chu Ngọc D chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: chị D không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung không có, không yêu cầu xem xét giải quyết. Về án phí chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Lý Xuân Tr, có nơi thường trú: xóm A, xã L, TPTN, tỉnh Thái Nguyên, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án do các đương sự không thỏa thuận được giải quyết vụ án, căn cứ vào khoản 3 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Chu Ngọc D và anh Lý Xuân Tr có đăng ký kết hôn tháng 7 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã L, TPTN, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Qua lời khai của các đương sự trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thấy giữa chị D và anh Tr đã có nhiều mâu thuẫn, sau khi kết hôn 03 tháng từ tháng 10 năm 2020 chị D xin về nhà bố mẹ đẻ sinh sống để sinh con và ở từ đó đến nay, do đó trong quá trình chung sống vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ chăm sóc lẫn nhau, mặc dù đã được cả hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả đến nay cả chị D và anh Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả 2 bên. Do vậy, cần chấp yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị D được ly hôn với anh Tr là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: chị D, anh Tr có 01 con chung Lý Bảo M, sinh ngày 23/10/2020 các đương sự đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung điều đó xuất phát từ tình cảm yêu thương con của cả hai, tuy nhiên việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào lợi ích của trẻ cũng như đảm bảo quyền lợi tốt nhất của trẻ. Xem xét về các điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con thấy: về thu nhập cả chị D và anh Tr đều có thu nhập ổn định, xem xét cháu Lý Bảo M từ khi sinh ra đến nay việc ăn ở và sinh hoạt đều do chị Chu Ngọc D chăm sóc, cháu M hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, do đó việc giao con chung Lý

Bảo M cho chị Chu Ngọc D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo được quyền lợi mọi mặt cho con đồng thời phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Anh Lý Xuân Tr được quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Chu Ngọc D và thành viên trong gia đình không được cản trở anh Lý Xuân Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D xác định không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Tr cho đến khi chị D có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Chu Ngọc D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Chu Ngọc D được ly hôn anh Lý Xuân Tr.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống Chị D và anh Trường có 01 con chung Lý Bảo M, sinh ngày 23/10/2020.

2.1 Giao cho chị Chu Ngọc D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lý Bảo M, sinh ngày 23/10/2020 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

2.2. Anh Lý Xuân Tr được quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Chu Ngọc D và thành viên trong gia đình không được cản trở anh Lý Xuân Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Lý Xuân Tr cho đến khi chị D có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Chu Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000099 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Chị Chu Ngọc D và anh Lý Xuân Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- UBND xã Linh Sơn, TP Thái Nguyên;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Bích Hiền